MIRAE ASSET Securities

26 Tháng Ba 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,162.21	-2.67	-0.54	67.41
HNX	270.96	-2.43	8.72	177.03
UPCOM	79.85	-1.99	4.19	62.97
MSCI EM	1,288.42	-3.62	-3.80	51.35
NIKKEI	29,176.70	-2.07	0.73	56.32
HANG SENG	28,336.43	-2.26	-2.22	21.34
KOSPI	3,041.01	0.05	0.93	80.34
FTSE	6,719.29	0.16	3.64	15.54
S&P 500	3,909.52	-0.15	2.58	48.65
NASDAQ	12,977.68	-1.06	-1.63	66.43

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%
VN-INDEX	17.91	2.43	13.69
SET INDEX	39.64	1.72	4.35
JCI INDEX	32.75	1.60	4.15
PCOMP INDEX	29.62	1.61	6.10

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.11	-3	2	-113
10 năm	2.39	-6	3	-81

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	23,087	-0.10	-0.30	2.38
US$/KRW	1,129	0.16	-0.53	9.19
US$/JPY	109	-0.49	-2.60	0.15
US$/EUR	0.85	0.98	2.40	-6.42
US$/GBP	0.73	0.74	1.14	-11.35
US$/SGD	1.35	-0.34	-1.05	6.27

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	582	600	329
HNX	64	97	41
UPCOM	36	49	21

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử

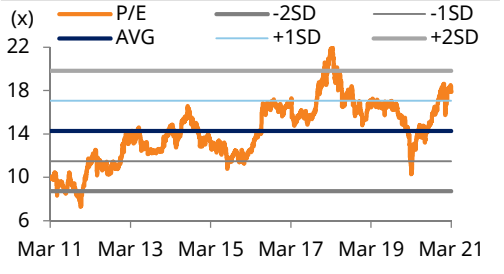

Nhận định thị trường

Lực cầu mạnh giúp thu hẹp đà giảm về cuối phiên

Trong phiên giao dịch cuối tuần, VN-Index ghi nhận mức giảm hơn 25 điểm khi ở trong phiên. Tuy nhiên, lực cầu mạnh đã hỗ trợ tích cực giúp đóng cửa ở mốc 1,162 điểm chỉ còn ghi nhận mức giảm 0,89 điểm (-0,08% DoD).

Đóng góp tích cực giúp thu hẹp khoảng cách giảm điểm có sự hỗ trợ tích cực của VIC và VCB khi mà 2 mã này lần lượt đóng góp 3,59 điểm và 0,69 điểm ở chiều tăng điểm. Ở chiều ngược lại, BID và GVR tác động lần lượt 3,1 điểm và 2,87 điểm lên xu thế giảm điểm của VN-Index.

Sau phiên quay lại mua ròng của khối ngoại, thì đóng phiên giao dịch hôm nay khối ngoại đã quay về trạng thái bán ròng của mình trước đó với giá trị đạt hơn 285 tỷ ở trên cả 2 sàn HNX và HSX. Trong đó, CTG là mã chịu áp lực bán ròng mạnh nhất với giá trị đạt hơn 176 tỷ. Ở chiều mua ròng, GEX là mã thu hút sự quan tâm của khối ngoại khi ghi nhận mức mua ròng hơn 73 tỷ.

Mặc dù điểm số giảm điểm được thu hẹp đáng kể, tuy nhiên điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index của chúng tôi giảm từ mức -4 điểm xuống còn -6 điểm với trạng thái đánh giá là **TIÊU CỰC**.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst,84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-6	TIÊU CỰC
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- **Thị trường trái phiếu:** Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 2.000 tỷ đồng TPCP, tương đương 36,4% tổng lượng gọi thầu. Kỳ hạn 5 năm là kỳ hạn duy nhất phát hành thành công toàn bộ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,05% (+2bps), tiếp đến là kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 1.000/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,27% (+2bps). Các kỳ hạn 15 năm và 20 năm đã thất bại toàn bộ, dù vậy nhu cầu thị trường có dấu hiệu cải thiện khi tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu tăng lên 2,64 lần từ mức 1,87 lần của tuần trước
- Ngày 31/03 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 5.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 24/03, lãi suất kỳ hạn O/N giảm về mức 0,26% (-2bps), trong khi kỳ hạn 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng cùng có diễn biến tăng, lần lượt lên các mức 0,44% (+6bps), 0,65% (+18bps), 0,59% (+9bps). Chiều ngược lại, các kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng ghi nhận mức giảm lần lượt 30bps về 1,13% và 17bps về 2,74%.

- **Tỷ giá VND/USD tham chiếu** tại ngày 26/03/21 của NHNN đã tiếp tục tăng 0,013% lên mức 23.230 VND/USD. Tỷ giá NHTM đã có biến động cùng chiều khi tăng 0,013% ở chiều mua và chiều bán lên mức 22.980 – 23.190 VND/USD. Tỷ giá tự do sau tuần hạ nhiệt tăng mạnh trở lại mốc 23.970 – 24.020 tương ứng mức tăng 0,545% chiều mua và 0,502% chiều bán.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	**TIÊU CỰC**
VN30	-6	**TIÊU CỰC**
VN30F1M	-6	**TIÊU CỰC**
VN DIAMOND	-5	**TIÊU CỰC**
VN FIN SELECT	-5	**TIÊU CỰC**

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (26/03/2021)	1.162 (-2,67% WoW)	Kháng cự 1	**1.200**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	**N/A**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	**1180**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	**1.150**

VN-Index phản ứng tích cực khi về vùng hỗ trợ quanh ngưỡng MA 50 ngày.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

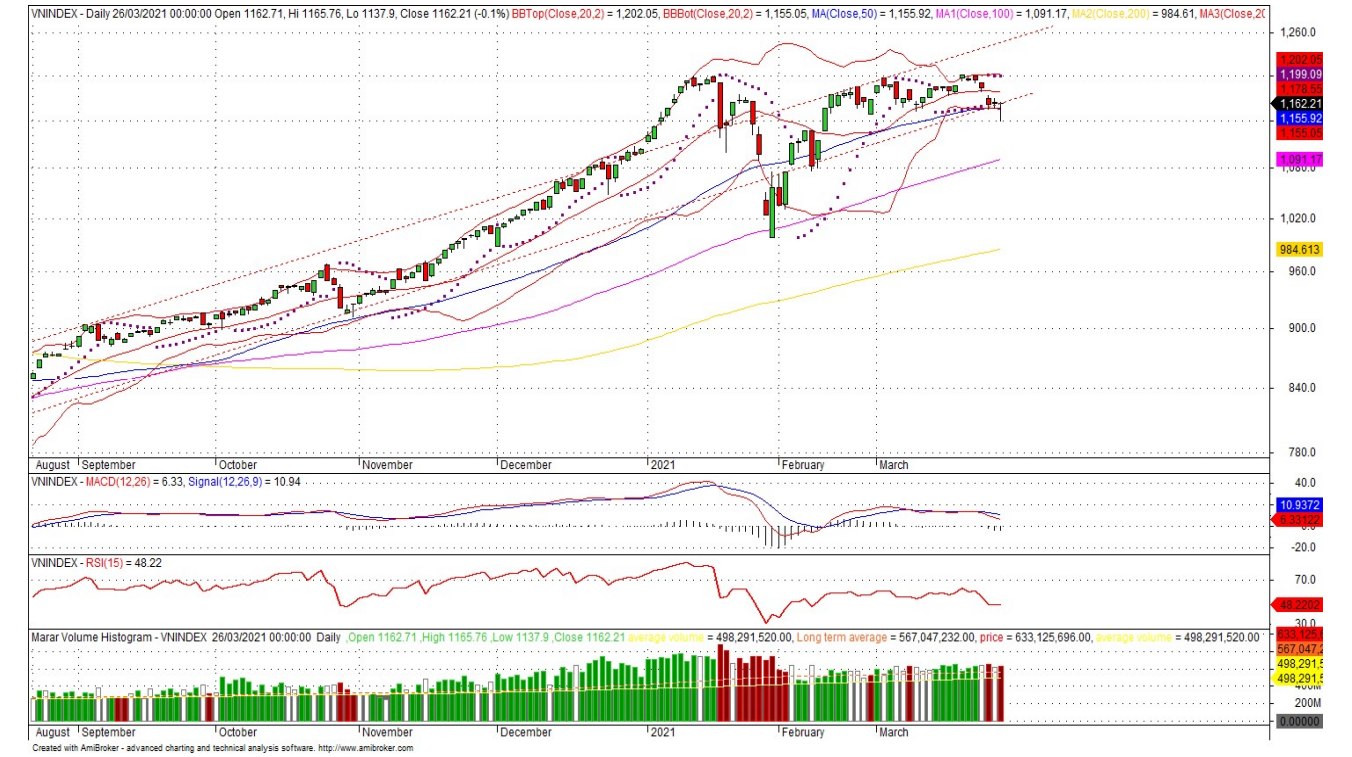

Nguồn: Vietstock

Nhận định phái sinh

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	2	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	-1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-6	TRUNG TÍNH

- Việc kiểm định vùng kháng cự mạnh 1,200 điểm không thành đã khiến cho hợp đồng phái sinh ghi nhận diễn biến giảm điểm mạnh trong suốt tuần qua.

- Hiện tại hợp đồng phái sinh VN30F1M ở quanh vùng hỗ trợ ngắn hạn MA50 ngày, tại điểm này chúng tôi đánh giá VN30F1M sẽ giằng co tích lũy quanh ngưỡng hỗ trợ nhằm kiểm định ngưỡng hỗ trợ này. Vì vậy chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư không nên mở vị thế mới trong giai đoạn hiện tại.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	**+ Long**	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	**+ Stop loss (Cắt lỗ)**	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	**+ Take profit (Chốt lời)**	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)

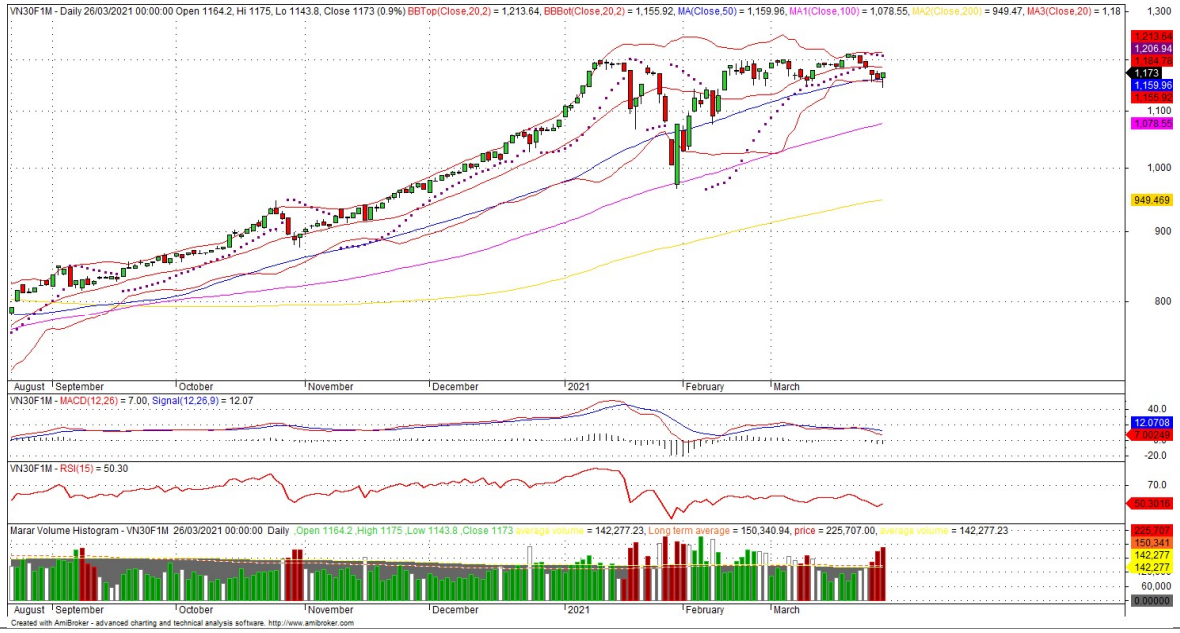

Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.95	3,767,370	-4	TIÊU CỰC	3,537	11.5	1.0
ACB	32.45	9,473,630	-6	TIÊU CỰC	70,143	9.1	2.0
ART	7.5	5,865,460	2	TRUNG TÍNH	727	#N/A N/A	0.6
ASM	15	3,619,400	-6	TIÊU CỰC	3,883	7.8	0.9
BID	42.1	2,668,355	-7	TIÊU CỰC	169,327	24.2	2.2
BSR	16.3	17,141,824	-2	TRUNG TÍNH	50,538	18.2	1.5
BVH	58.4	824,260	-3	TRUNG TÍNH	43,352	28.0	2.2
CEO	12.2	5,826,675	-4	TIÊU CỰC	3,140	#N/A N/A	1.1
CII	23.9	3,012,570	-4	TIÊU CỰC	5,708	23.2	1.2
CTD	71.1	906,050	-7	TIÊU CỰC	5,282	12.3	0.6
CTG	39.05	12,048,905	-4	TIÊU CỰC	145,399	10.6	1.7
CTR	96.5	546,365	-7	TIÊU CỰC	6,927	37.6	7.7
DBC	58.4	2,653,385	-4	TIÊU CỰC	6,118	4.3	1.5
DCM	16.8	4,963,630	-4	TIÊU CỰC	8,894	16.5	1.4
DGC	66.9	805,705	-7	TIÊU CỰC	9,952	11.7	2.5
DGW	115	374,360	-5	TIÊU CỰC	4,945	19.4	4.3
DIG	29.9	4,482,400	-7	TIÊU CỰC	9,417	14.3	2.0
DPM	19.3	3,161,970	-4	TIÊU CỰC	7,553	11.6	0.9
DRC	28.3	1,994,365	-2	TRUNG TÍNH	3,362	13.1	2.0
DXG	23.4	7,720,560	-3	TRUNG TÍNH	12,128	#N/A N/A	2.0
FCN	14	3,867,185	-5	TIÊU CỰC	1,756	14.8	0.8
FLC	11.05	29,468,684	5	KHẢ QUAN	7,845	49.0	0.8
FPT	76.1	2,258,260	-7	TIÊU CỰC	59,655	16.8	3.8
FRT	30	2,152,385	0	TRUNG TÍNH	2,369	95.9	2.0
GAS	89.2	838,150	-7	TIÊU CỰC	170,724	22.1	3.5
GEX	22.35	6,280,500	-6	TIÊU CỰC	10,772	13.4	1.6
GMD	32.5	2,341,825	-4	TIÊU CỰC	9,795	28.7	1.7
GVR	27.3	4,052,090	-7	TIÊU CỰC	109,200	28.9	2.3
HAG	5.13	7,279,575	-2	TRUNG TÍNH	4,758	#N/A N/A	0.8
HAH	24.1	1,658,410	-6	TIÊU CỰC	1,142	8.8	1.1
HAP	17.9	3,333,060	2	TRUNG TÍNH	993	24.5	1.4
HBC	17.3	7,417,110	-7	TIÊU CỰC	3,994	53.6	1.1
HCM	29.6	4,307,645	-7	TIÊU CỰC	9,029	17.0	2.0
HDB	25.75	4,572,675	-6	TIÊU CỰC	41,040	9.7	1.8
HDC	43.45	1,115,425	-7	TIÊU CỰC	2,890	12.5	2.6
HDG	42.8	1,975,495	-7	TIÊU CỰC	6,603	6.8	2.1
HNG	11.25	10,524,795	-7	TIÊU CỰC	12,471	580.4	1.4
HPG	46.2	17,891,710	-6	TIÊU CỰC	153,074	11.4	2.6
HPX	35.3	1,043,900	-2	TRUNG TÍNH	9,337	34.0	2.9
HQC	2.99	17,563,416	-4	TIÊU CỰC	1,425	148.5	0.3
HSG	27.35	8,404,675	-6	TIÊU CỰC	12,152	8.1	1.7
HUT	6.1	6,838,815	-4	TIÊU CỰC	1,639	#N/A N/A	0.6
HVN	32	1,728,790	0	TRUNG TÍNH	45,385	#N/A N/A	7.1
IDC	37.6	3,226,450	-2	TRUNG TÍNH	11,280	37.4	3.1
IJC	27.85	8,361,470	-7	TIÊU CỰC	6,046	11.0	1.8
ITA	6.58	10,993,700	-5	TIÊU CỰC	6,174	35.5	0.6
KBC	38.2	5,202,980	-2	TRUNG TÍNH	17,945	105.1	1.9
KDC	51.2	1,330,475	-4	TIÊU CỰC	11,712	51.4	2.0
KDH	30	1,663,780	-5	TIÊU CỰC	16,764	14.7	2.1
KLF	3.7	9,439,355	2	TRUNG TÍNH	612	277.9	0.4
KSB	32.4	1,913,335	-5	TIÊU CỰC	2,159	7.7	1.4
LCG	14.6	5,340,495	-7	TIÊU CỰC	1,683	5.4	0.9

LDG	7.72	6,898,935	**-2**	**TRUNG TÍNH**	1,849	154.4	0.6
LPB	15.75	11,871,965	**-5**	**TIÊU CỰC**	16,926	9.1	1.2
MBB	27.5	16,180,170	**-7**	**TIÊU CỰC**	76,966	9.3	1.6
MBS	22.2	1,912,695	**-6**	**TIÊU CỰC**	3,648	13.6	1.8
MSN	85.9	1,005,080	**-6**	**TIÊU CỰC**	100,905	81.5	6.3
MWG	130	697,965	**-6**	**TIÊU CỰC**	60,596	15.0	3.8
NKG	21.8	5,987,740	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,750	12.8	1.2
NLG	34.1	1,407,110	**-6**	**TIÊU CỰC**	9,387	10.9	1.6
NVB	14.6	5,746,095	**-6**	**TIÊU CỰC**	5,939	4,900.5	1.4
NVL	79.5	2,316,115	**-6**	**TIÊU CỰC**	78,787	20.0	3.1
OIL	13.9	3,103,925	**-7**	**TIÊU CỰC**	14,376	#N/A N/A	1.5
PDR	61.5	3,480,355	**0**	**TRUNG TÍNH**	26,801	22.9	5.3
PET	22	3,097,685	**-4**	**TIÊU CỰC**	1,839	13.7	1.2
PHR	57.9	842,020	**-7**	**TIÊU CỰC**	7,845	7.3	2.5
PLX	55.9	3,430,090	**-4**	**TIÊU CỰC**	69,529	88.5	3.2
POW	12.7	18,593,980	**-6**	**TIÊU CỰC**	29,742	13.5	1.0
PVD	21.8	9,613,930	**-6**	**TIÊU CỰC**	9,181	76.6	0.7
PVM	23	2,301,105	**-7**	**TIÊU CỰC**	889	17.8	1.9
PVS	22.7	13,097,175	**-6**	**TIÊU CỰC**	10,850	16.7	0.9
PVT	16.6	4,560,865	**-7**	**TIÊU CỰC**	5,373	8.5	1.1
REE	54	830,100	**-6**	**TIÊU CỰC**	16,689	10.3	1.5
ROS	4.16	20,526,796	**2**	**TRUNG TÍNH**	2,361	1,386.7	0.4
S99	25.7	1,683,815	**-4**	**TIÊU CỰC**	1,347	8.3	1.7
SBT	22	4,431,135	**-7**	**TIÊU CỰC**	13,577	23.3	1.7
SCR	8.35	4,455,890	**-7**	**TIÊU CỰC**	3,059	17.2	0.7
SHB	19.5	35,256,584	**0**	**TRUNG TÍNH**	34,135	12.4	1.4
SHS	28	7,947,070	**-4**	**TIÊU CỰC**	5,804	7.7	1.8
SSI	30.9	10,980,880	**-6**	**TIÊU CỰC**	19,958	14.8	1.9
STB	18.95	24,316,960	**-4**	**TIÊU CỰC**	34,179	12.7	1.2
SZC	37.45	953,775	**-5**	**TIÊU CỰC**	3,745	20.1	3.0
TCB	39.4	11,122,100	**-6**	**TIÊU CỰC**	138,093	11.2	1.9
TCH	21.6	4,693,570	**-7**	**TIÊU CỰC**	8,088	8.4	1.5
TNG	22.5	2,649,270	**-6**	**TIÊU CỰC**	1,790	10.7	1.5
TPB	26.7	5,359,680	**-7**	**TIÊU CỰC**	27,545	7.6	1.6
TTF	6.71	5,839,585	**4**	**KHẢ QUAN**	2,088	59.3	#N/A N/A
VCB	94.9	1,256,825	**-4**	**TIÊU CỰC**	351,972	19.1	3.6
VCI	63.9	1,432,285	**0**	**TRUNG TÍNH**	10,582	13.7	2.3
VGT	17.7	2,019,190	**-7**	**TIÊU CỰC**	8,850	31.4	1.4
VHC	39	1,291,810	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,096	10.1	1.4
VHM	95.7	2,150,240	**-7**	**TIÊU CỰC**	314,806	11.3	3.7
VIC	112.4	1,512,300	**7**	**KHẢ QUAN**	380,185	71.6	4.9
VIX	33	7,681,620	**-4**	**TIÊU CỰC**	4,215	12.8	2.4
VJC	130.5	553,790	**-4**	**TIÊU CỰC**	68,361	988.0	4.6
VND	28.75	5,549,605	**-4**	**TIÊU CỰC**	6,035	8.7	1.6
VNM	97.4	3,175,850	**-5**	**TIÊU CỰC**	203,562	20.4	6.5
VPB	43.4	4,805,340	**-4**	**TIÊU CỰC**	106,536	10.2	2.0
VPI	35.1	1,372,385	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,020	22.9	2.5
VRE	32.2	4,901,045	**-7**	**TIÊU CỰC**	73,169	30.7	2.5

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

EU cảnh báo cấm xuất khẩu vaccine Covid-19 với lượng nhất định

Trả lời báo giới sau cuộc họp với lãnh đạo 27 nước EU, Chủ tịch EU Ursula von der Leyen nêu quan điểm rõ rằng các hãng dược, cụ thể là AstraZeneca cần phải đảm bảo phân phối vaccine theo đúng hợp đồng ký với EU trước khi thực hiện các hợp đồng xuất khẩu vaccine khác. Tuyên bố trên được đưa ra trong bối cảnh chương trình tiêm chủng vaccine Covid-19 tại Anh và châu Âu đều chậm trễ cho thiếu nguồn cung vaccine. Trong tuyên bố mới nhất ngày 25/3, Thủ tướng Hà Lan Mark Rutt tuyên bố London và Brussels có thể đạt được thỏa thuận về chia sẻ vaccine vào cuối tuần này hoặc sớm hơn để tránh việc EU áp đặt lệnh cấm xuất khẩu. Tuy nhiên, nhà lãnh đạo Hà Lan cho biết nước này sẽ phải tuân thủ trong trường hợp EU quyết định cấm xuất khẩu vaccine được sản xuất tại nhà máy Halix của Hà Lan sang Anh.

MWG: Lợi nhuận 2 tháng tăng 18% so với cùng kỳ

Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) công bố doanh thu thuần 2 tháng đầu năm ước đạt 21.719 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ và thực hiện 17% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế là 999 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ và thực hiện 21% kế hoạch năm. Biên lợi nhuận ròng đạt mức kỷ lục 4,6% cho mùa Tết 2021. Như vậy tính riêng tháng 2, doanh thu thuần tăng 34% lên mức 10.670 tỷ và lợi nhuận sau thuế tăng 73% đạt 505 tỷ đồng. Tháng 2 năm ngoái không có vụ Tết, do đó doanh nghiệp cho rằng kết quả lũy kế 2 tháng sẽ phản ánh chính xác hơn bức tranh kinh doanh. Lũy kế 2 tháng đầu năm, doanh thu đến từ các giao dịch online đóng góp hơn 1.635 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ năm 2020 và chiếm khoảng 8% tổng doanh thu của MWG

DRC: ước lợi nhuận quý I tăng 41%

Ước tính doanh thu thuần quý I có khả năng đạt 800 tỷ, trong khi lợi nhuận trước thuế dự kiến khoảng 66 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ. Ban lãnh đạo còn cho biết sản lượng xuất khẩu lốp bias – vốn có biên lợi nhuận gộp cao nhất, vẫn ổn định 12.200 chiếc trong tháng 2, so với 18.800 chiếc trong tháng 1 và bình quân 12.077 chiếc trong quý I/2020. Tháng 2 có nghỉ kì Tết kéo dài 7 ngày. Sản lượng xuất khẩu lốp radial trong tháng 2 đạt 28.300 chiếc, cải thiện đáng kể so với mức 21.200 trong tháng 1 và mức trung bình 25.600/tháng trong quý I/2020. Ngoài ra, Cao su Đà Nẵng còn tăng giá bán lốp ô tô 3%, lốp xe máy và xe máy lên 5% kể từ tháng 12/2020 trong bối cảnh giá nguyên liệu đầu vào tăng. Ban lãnh đạo chia sẻ đã tăng thêm 3% giá bán lốp ô tô từ tháng 3 để tiếp tục chuyển giá cho khách hàng, điều này giúp thúc đẩy tăng trưởng doanh thu cũng như củng cố biên lợi nhuận gộp chung

BWE: phát hành 5,42 triệu cổ phiếu ESOP giá 16.000 đồng/cp

HĐQT của Nước – Môi trường Bình Dương (Biwase, HoSE: BWE) thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (ESOP) năm 2020. Công ty dự kiến phát hành 5,42 triệu cổ phiếu ESOP (tương đương tỷ lệ 2,89% vốn điều lệ), với giá 16.000 đồng/cp. Dự kiến sau khi phát hành, vốn điều lệ của Biwase tăng từ 1.875 tỷ đồng lên thành 1.929,2 tỷ đồng. Thời điểm thực hiện dự kiến từ quý II/2020. Số tiền thu được từ đợt phát hành trên sẽ được dùng để bù đắp nguồn vốn đã ứng trước để góp vào Cấp nước Đồng Nai (UPCoM: DNW). Số tiền cần bù đắp là 53,1 tỷ đồng. Công ty sẽ mua thêm 3,54 triệu cổ phiếu DNW với giá 15.000 đồng/cp trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều

lệ của Cấp nước Đồng Nai, tỷ lệ thực hiện 5:1. Thời gian thực hiện vào tháng 1 - 2/2021. Hiện tại, Biwase đang nắm giữ 17,7 triệu cổ phiếu, tương ứng 17,7% vốn của Cấp nước Đồng Nai. Bên cạnh đó, số tiền tăng vốn còn được sử dụng bù đắp nguồn vốn đã ứng trước để đầu tư 60% vốn điều lệ (100 tỷ đồng) của Xây lắp - Điện Biwase. Thời điểm góp vốn vào tháng 9/2020 và 1/2021.

DNP: Nhựa Đồng Nai đã mua hơn 51% vốn CVT

Nhựa Đồng Nai (HNX: DNP) thông báo đã trở thành cổ đông lớn tại công ty CMC (HoSE: CVT) sau khi mua được gần 18,8 triệu cổ phiếu CVT trong ngày 25/3, tương đương tỷ lệ 51,14%. Trước đó DNP Corp có đăng ký mua 19 triệu cổ phiếu từ ngày 25/3 đến 23/4. Việc mua cổ phần trên 51% mà không phải chào mua công khai của Nhựa Đồng Nai đã được cổ đông CVT thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 21/3. Cũng trong kỳ họp này, công ty bầu lại 7 thành viên HĐQT, trong đó có 4 người có liên quan đến Nhựa Đồng Nai. Riêng Phó Chủ tịch DNP ông Ngô Đức Vũ được bầu làm Chủ tịch CVT.

GVR giảm hơn 500 tỷ đồng sau kiểm toán

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HoSE: GVR) ghi nhận lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ là 3.770 tỷ, giảm hơn 13% so với con số tự lập 4.279 tỷ đồng. Dù vậy, đây vẫn là mức lãi cao nhất từ năm 2013 đến nay. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) theo đó giảm từ 1.070 đồng xuống 943 đồng. Chỉ tiêu doanh thu thuần không thay đổi nhiều sau kiểm toán, ở mức trên 21.100 tỷ đồng. Tập đoàn giải trình chênh lệch này là do lợi nhuận tập trung phải thu về công ty mẹ từ một số công ty TNHH MTV 100% bị giảm so với báo cáo tự lập. Tại thời điểm cuối năm, quy mô tổng tài sản của GVR đạt 80.278 tỷ đồng, trong đó lượng tiền và tiền gửi ngắn hạn là 16.293 tỷ đồng chiếm hơn 20% tài sản. Về nguồn vốn tập đoàn có dư nợ vay tài chính 12.107 tỷ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 4.575 tỷ trên vốn điều lệ 40.000 tỷ đồng.

DBT: tăng cổ tức năm 2021 lên 20%

Dược phẩm Bến Tre (HNX: DBT) vừa đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2021 với chỉ tiêu doanh thu hợp nhất tăng 9% lên hơn 918 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế dự kiến tăng 46% đạt 19,4 tỷ đồng. Mức cổ tức tăng từ 7% năm ngoái lên 20%. Năm ngoái công ty chỉ có lãi 13,3 tỷ đồng, giảm 48% so với năm 2019. Dựa trên kết quả đó công ty muốn chia cổ tức bằng tiền 7% và đã thực hiện tạm ứng khoản cổ tức này vào giữa tháng 2 vừa qua. Kế hoạch cổ tức năm 2020 ban đầu là 10%.

DRL đặt kế hoạch lãi sau thuế 2021 giảm 17%

Theo Báo cáo thường niên vừa công bố, CTCP Thủy điện - Điện Lực 3 (HoSE: DRL) dự kiến đạt hơn 49 tỷ đồng lãi sau thuế 2021, giảm 17% so với thực hiện năm trước. Công ty cũng lên kế hoạch tổng doanh thu gần 92 tỷ đồng, giảm 8% so với năm 2020. Trong đó, doanh thu tiền điện chiếm 86% tổng doanh thu. Theo DRL, tình hình thời tiết năm 2021 tại Tây Nguyên rất khó dự đoán, dự báo lượng mưa trong khu vực vẫn thấp như các năm trước, đặc biệt là tại lưu vực sông Sêrêpôk, chế độ vận hành phụ thuộc hoàn toàn vào thủy điện bậc trên. Trong khi đó, dịch Covid-19 vẫn diễn biến khó lường. Những yếu tố này sẽ gây bất lợi cho công tác sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021.

s

HPG: trình chia cổ tức 2020 tỷ lệ 35%, mục tiêu lãi 2021 đạt 18.000 tỷ đồng

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) vừa công bố Nghị quyết HĐQT về các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2021. Cụ thể, HĐQT dự kiến trình cổ đông kế hoạch doanh thu 120.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 18.000 tỷ đồng; cùng tăng 33% so với thực hiện năm trước. Tỷ lệ cổ tức dự kiến 30%. Trong năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận 90.118 tỷ đồng doanh thu, tăng 41,5%; lãi sau thuế 13.545 tỷ đồng, tăng 80% nhờ mảng kinh doanh thép và nông nghiệp khởi sắc. Với kết quả đó, HĐQT trình phương án chia cổ tức tỷ lệ 35% gồm 5% tiền mặt và 30% cổ phiếu. Thời gian thực hiện quý II – III. Năm 2019, doanh nghiệp chia cổ tức tỷ lệ 25% và lên kế hoạch cho năm 2020 chỉ ở mức 20%. Ngoài ra, doanh nghiệp lên kế hoạch triển khai dự án đầu tư khu liên hợp sản xuất Gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 với công suất dự kiến 5,6 triệu tấn/năm. Trong đó, sản phẩm thép dẹt là 4,6 triệu tấn/năm; thép thanh, thép dây chất lượng cao 1 triệu tấn/năm. Dự án có tổng mức đầu tư 85.000 tỷ đồng, được xây dựng trên diện tích 283,73 ha..

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets

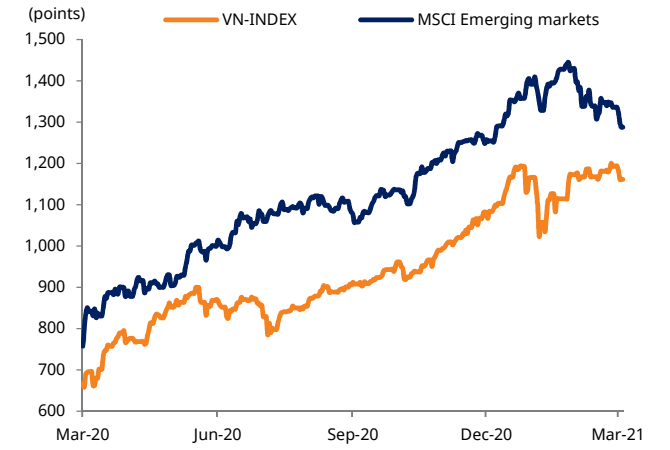

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND

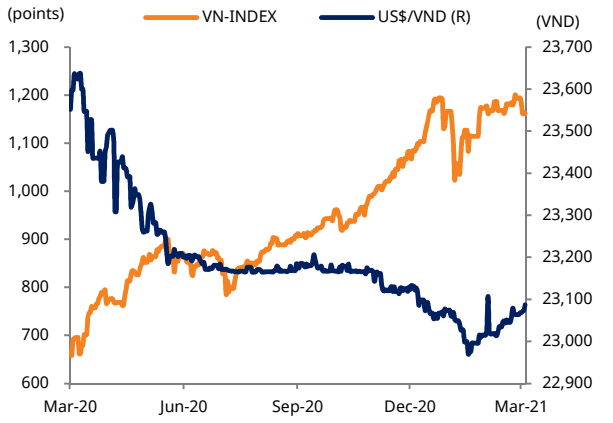

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài

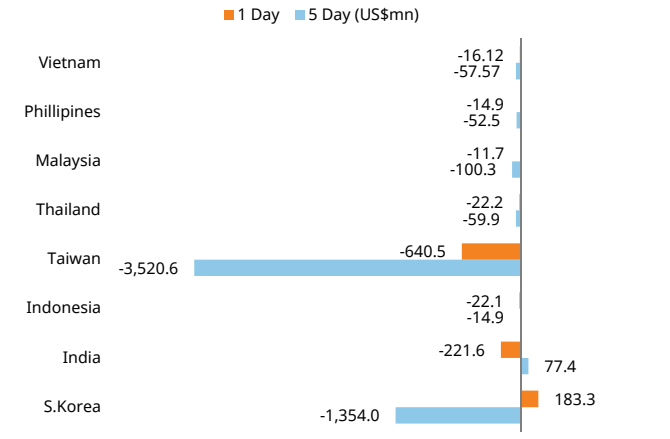

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND

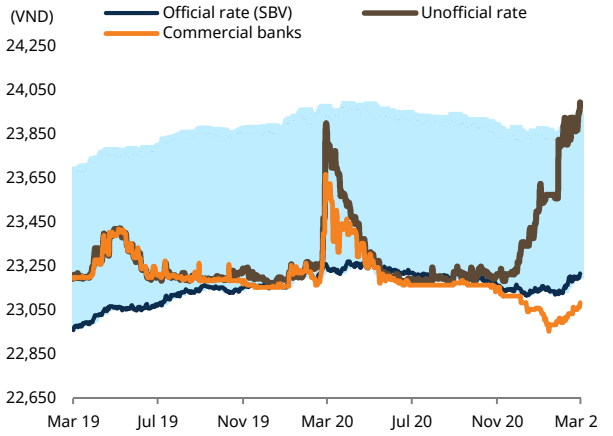

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

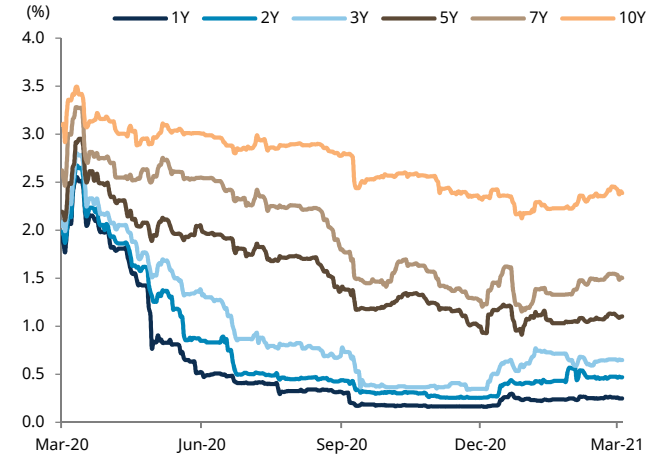

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng

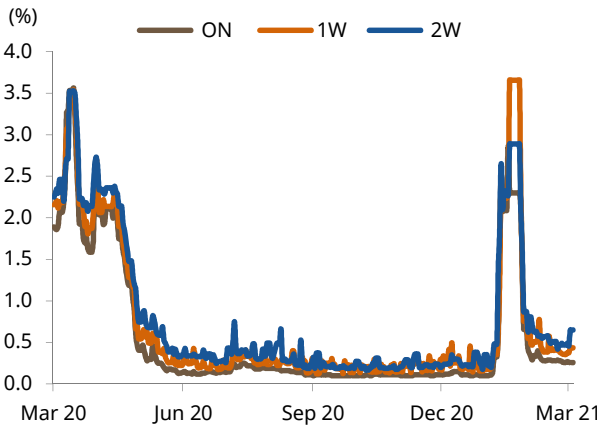

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá	Vốn hóa	Sở hữu khối ngoại	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE (%)*	
		(VND)	(tỷ đồng)	(%)	1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
VN30 Index	**VN30 Index**	**1,167.19**	**3,019,784**		**0.2**	**-3.0**	**-0.5**	**80.5**	**15.0**	**12.7**	**2.2**	**1.9**	**18.8**	**19.1**	**19.2**
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,100	169,327	17.1	-0.4	-6.4	-3.4	26.4	17.1	12.1	1.9	1.6	41.8	12.0	15.4
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	58,400	43,352	27.6	-1.7	-4.3	-1.2	47.8	26.6	21.3	2.0	1.9	25.0	8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	39,050	145,399	27.5	-0.9	-3.5	4.8	107.7	8.8	8.1	1.5	1.3	7.6	17.9	17.1
CTCP FPT	FPT VN	76,100	59,655	49.0	-0.7	-4.6	-0.1	98.0	15.2	12.9	3.3	2.9	18.1	24.4	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	89,200	170,724	2.9	-1.2	-1.9	-0.1	52.0	16.8	16.4	3.2	3.0	2.4	19.1	19.3
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	25,750	41,040	16.8	0.6	-5.2	2.4	116.8	7.5	6.3	1.6	1.3	18.9	18.9	18.7
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,200	153,074	30.2	2.7	-2.0	1.3	227.1	9.1	8.2	2.0	1.7	11.4	25.4	23.3
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	30,000	16,764	34.9	-2.9	-7.6	-6.0	62.8	13.7	10.4	1.9	1.7	31.8	15.2	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	27,500	76,966	23.2	-0.2	-5.8	-0.5	112.1	7.5	6.2	1.4	1.1	19.7	19.8	20.1
Tập đoàn Masan	MSN VN	85,900	100,905	32.1	-0.1	-3.2	-4.9	75.3	40.2	22.1	5.0	4.0	81.9	12.9	20.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	130,000	60,596	49.0	0.9	-2.3	-3.7	91.2	12.2	9.5	3.0	2.5	29.2	27.9	28.7
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	79,500	78,787	6.3	-0.6	0.6	-0.1	55.2	20.1	17.2	2.6	2.2	16.8	11.4	11.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	61,500	26,801	2.4	-1.1	-1.2	7.4	225.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	55,900	69,529	16.4	-0.5	-0.7	-4.0	41.7	21.1	17.1	2.9	2.9	23.3	15.9	17.2
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	84,900	19,303	49.0	-0.1	0.4	0.0	57.8	15.3	12.2	3.3	2.7	25.0	22.7	24.1
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,700	29,742	4.1	0.8	-5.2	0.8	67.1	13.6	12.1	1.0	1.0	13.0	7.6	7.9
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	54,000	16,689	49.0	1.1	-3.9	-4.8	90.5	9.4	7.8	1.3	1.2	19.9	14.7	15.3
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	22,000	13,577	7.9	-0.7	-4.3	1.4	73.2	NA	NA	NA	NA	NA	7.4	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	30,900	19,958	41.9	0.3	-7.2	-6.9	176.8	12.9	12.9	NA	NA	0.5	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	18,950	34,179	9.2	1.1	-3.3	3.3	117.8	13.1	7.9	1.1	1.0	66.0	9.5	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	39,400	138,093	22.5	0.1	-6.2	0.4	144.7	9.3	8.1	1.6	1.3	15.1	18.2	17.6
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,600	8,088	5.2	-0.9	-6.1	-0.9	25.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	26,700	27,545	30.0	-0.7	-7.6	-3.1	59.1	7.0	5.1	1.3	1.1	38.8	23.3	24.1
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	94,900	351,972	23.5	-0.2	0.7	-3.4	50.2	16.8	13.5	3.0	2.5	24.7	20.4	21.3
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	95,700	314,806	22.3	-1.0	-2.1	-5.8	56.9	10.2	8.5	2.8	2.1	19.8	31.0	28.2
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	112,400	380,185	14.0	1.8	3.7	3.1	37.4	49.2	36.8	4.1	3.6	33.5	8.2	11.3
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	130,500	68,361	19.1	1.9	0.0	-3.4	34.5	63.2	22.4	4.2	3.3	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	97,400	203,562	56.2	-1.1	-4.2	-7.1	24.3	19.1	17.3	6.0	5.4	10.0	35.1	35.6
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	43,400	106,536	23.4	0.3	-4.0	8.5	121.4	8.8	7.4	1.7	1.3	19.0	19.9	19.9
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,200	73,169	30.6	-2.0	-5.3	-3.0	61.0	25.3	20.1	2.3	2.1	25.6	9.3	11.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
VN-Index	**-31.84**	**4,368,133**	**-0.1**	**-2.7**	**-0.5**	**67.4**	**17.9**	**14.7**	**2.4**	**2.32**	**22.2**	**13.7**	**17.5**
Ô tô và phụ tùng	-0.10	8,225	-0.6	-4.2	3.2	61.3	5.8	5.5	1.0	1.0	24.2	10.9	10.6
Ngân hàng	-12.65	1,300,439	-0.1	-3.5	1.0	69.5	12.4	10.0	1.9	1.6	19.2	18.0	18.5
Xây dựng cơ bản	-2.22	170,151	-0.5	-4.5	-0.3	103.3	5.4	4.5	0.4	0.3	NA	5.6	5.7
Dịch vụ thương mại	-0.03	4,626	-0.8	-2.2	1.1	45.9	6.7	5.3	NA	NA	-29.5	11.2	13.1
May mặc và trang sức	0.29	39,394	0.8	3.4	8.3	205.3	12.3	10.1	2.4	2.0	-9.1	17.8	17.6
Dịch vụ tiêu dùng	-0.10	8,886	-0.6	-1.9	2.7	36.5	13.4	4.6	NA	NA	NA	3.7	9.7
Dịch vụ tài chính	-1.37	67,218	0.7	-7.0	2.3	166.0	8.2	3.6	NA	NA	48.2	9.1	3.6
Năng lượng	-0.44	87,186	-0.5	-1.8	-4.0	60.7	20.6	16.2	2.5	2.4	-64.1	13.7	15.0
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-5.66	522,366	-0.8	-3.9	-5.1	49.5	20.8	15.5	4.4	3.9	-13.6	22.4	23.8
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.02	899	-3.7	-7.4	2.1	64.0	NA	NA	NA	NA	-40.0	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.20	11,896	-0.6	-6.0	3.4	7.0	6.9	6.1	NA	NA	51.1	24.0	24.1
Bảo hiểm	-0.60	49,997	-1.6	-4.3	-0.7	45.3	23.7	19.0	1.8	1.7	28.7	7.5	8.7
Nguyên vật liệu	-4.67	372,563	0.7	-4.4	1.5	202.7	13.2	13.0	1.7	0.9	58.2	16.0	14.7
Giải trí và truyền thông	-0.02	1,179	-4.1	-5.8	-5.0	-27.5	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA
Dược phẩm	-0.11	35,091	-0.3	-1.1	1.5	38.9	NA	NA	NA	NA	11.7	NA	NA
Bất động sản	-0.96	1,068,397	0.2	-0.1	-0.1	59.6	9.1	8.0	1.7	1.5	-35.3	9.6	9.7
Bán lẻ	-0.42	68,915	0.6	-2.2	-3.1	91.0	24.4	18.7	2.7	2.3	-3.3	14.4	15.0
Phần mềm và dịch vụ	-0.86	63,886	-0.7	-4.8	0.4	96.6	11.4	8.9	2.7	2.2	10.2	25.2	26.0
Thiết bị và phần cứng	-0.07	4,945	-2.5	-5.0	21.6	525.0	14.2	12.0	3.0	2.7	48.6	22.8	24.1
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,221	0.0	3.1	1.9	315.6	13.1	10.6	3.4	2.7	14.2	27.1	26.8
Vận tải	-0.79	175,700	0.3	-1.6	0.6	55.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-1.56	257,282	-0.9	-2.2	0.1	48.2	27.4	10.5	5.0	4.0	-29.1	-19.8	10.9

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	112,400	3.69	2,072,500	3.59
VCB VN	94,900	0.74	1,324,480	0.69
FLC VN	11,050	37.78	48,318,760	0.57
TCM VN	100,000	18.62	342,040	0.26
NVL VN	79,500	0.63	1,970,580	0.13
VGC VN	34,500	1.77	215,660	0.07
CVT VN	52,000	15.56	47,280	0.07
CRE VN	31,500	8.25	2,134,760	0.06
TTF VN	6,710	10.91	8,708,080	0.05
LGC VN	67,000	1.52	1,160	0.05

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
BID VN	42,100	-6.44	3,053,620	-3.10
GVR VN	27,300	-9.00	4,205,600	-2.87
TCB VN	39,400	-6.19	11,590,700	-2.42
VNM VN	97,400	-4.23	3,593,840	-2.39
VHM VN	95,700	-2.15	1,933,940	-1.83
CTG VN	39,050	-3.46	16,903,820	-1.38
MBB VN	27,500	-5.82	14,864,260	-1.26
SAB VN	173,000	-3.89	77,520	-1.19
VPB VN	43,400	-3.98	3,563,400	-1.17
VRE VN	32,200	-5.29	5,221,660	-1.09

Nguồn: Bloomberg

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.